TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST
Ngày 13–01–2020
"V/v xin ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Kỳ
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Mầm
Ông Bùi Hữu Khánh
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc San là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 13 tháng 01 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 476/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2019 về việc "xin ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 380/2019/QĐXXST–HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1994 (Có mặt).
Địa chỉ cư trú: ấp CĐ, xã PT, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.
Bị đơn: Anh Mã Văn T, sinh năm 1991 (Vắng mặt).
Địa chỉ cư trú: ấp CR, xã PH, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Mã Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Tân, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau vào ngày 30/5/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, anh chị đã sống ly thân với nhau cho đến nay. Nay chị xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nữa nên yêu cầu xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 người con chung tên Mã SB, sinh ngày 04/7/2019, hiện nay con đang sống với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Mã Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra. Tòa án nhận định:

[1] Tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị L và anh Mã Văn T là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp CR, xã PH, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Mã Văn T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Tân, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau vào ngày 30/5/2018 nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình thì Nguyễn Thị L có quyền yêu cầu giải quyết việc ly hôn. Yêu cầu của chị L đã được Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình và pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thủ tục hòa giải theo quy định tại Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, anh Mã Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và triệu tập anh T hợp lệ đến lần thứ hai để đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh T.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong cuộc sống vợ chồng giữa chị L và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn, tính tình không hợp nhau, hai người đã sống ly thân với nhau một thời gian dài. Anh T không có ý kiến gì đối với việc chị L xin ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của chị L và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh T là phù hợp.

Về nuôi dưỡng con chung: Chị L và anh T có 01 người con chung tên Mã SB, sinh ngày 04/7/2019, hiện nay con đang sống với chị L. Sau khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Mã SuBi, sinh ngày 04/7/2019 là dưới 36 tháng tuổi và chị L có đủ điều kiện để nuôi con phát triển về mọi mặt nên Hội đồng xét xử giao cháu Mã SB cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên là phù hợp quy định tại Điều 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Nếu sau này giữa chị L và anh T có phát sinh tranh chấp về nuôi con, tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

[3] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Buộc chị L phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 28, 35, 39, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 51, 56, 81, 82, và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L. Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Mã Văn T.

Về con chung: Giao cháu Mã SB, sinh ngày 04/7/2019 cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Mã Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0004836 ngày 15/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Trong trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Mã Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Nơi nhận*:**
- *TAND tỉnh Cà Mau;*
- *VKSND huyện Cái Nước;*
- *Chi cục THADS huyện Cái Nước;*
- *UBND xã Phú Tân;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Kỳ